| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẾN LỨC**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2018
*V/v tranh chấp "Ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Cao Thị Thới.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Anh Thư.

2. Ông Phạm Văn Tám.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 575/2017/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2017, về việc tranh chấp*" Ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2017/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2017; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị N D, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp Vi L, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn T H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp 7, xã L H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Đoàn Thị N D trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết như sau:*

Chị Đoàn Thị N D, anh Nguyễn T H xác lập quan hệ hôn nhân năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 83, ngày 17/10/2016.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình của anh H được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân khoảng 09 tháng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay chị D không thể tiếp tục chung sống với anh H và yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị D, anh H chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Đoàn N M, sinh ngày 05/10/2017. Hiện tại chị D đang trực tiếp tiếp nuôi dưỡng con chung. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị và anh H chung sống không có tài sản chung.

Nợ chung: Vợ chồng chung sống cũng không có nợ ai và cũng không ai nợ hai anh chị.

Tài liệu chứng cứ chị D cung cấp cho Tòa án gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn; 01 giấy khai sinh con chung; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Bị đơn anh Nguyễn T H trình bày trong bản tự khai ngày 14/12/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm thống nhất với chị D về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, con chung, cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị D ly hôn, anh H thuận tình.

Về nuôi con chung: Anh và chị D chung sống sinh được 01 con chung như lời trình bày của chị D là đúng. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý để cho chị D tiếp tục nuôi con chung nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị D.

Về tài sản chung; Nợ chung: Anh H xác định không có. Tại phiên tòa sơ thẩm: Các đương sự không thỏa thuận được nội dung vụ án; Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện như trên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Đoàn Thị N D khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn T H và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp "*Ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung",* thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Chị Đoàn Thị N D, anh Nguyễn T H xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Lương Hòa, huyện Bến Lức. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh H, Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian chung sống với nhau rất ngắn, không đảm bảo hạnh phúc. Do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và những mâu thuẫn nhỏ nhưng hai anh chị không tìm được biện pháp giải quyết mà sống ly thân. Chị D quyết định nộp đơn khởi kiện ly hôn được anh H thuận tình. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ Điều 55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị N D, anh Nguyễn T H.

[4] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị D, anh H đều thống nhất chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đoàn N M và tại phiên tòa anh H cũng đồng ý cho chị D được tiếp tục nuôi con chung. Do đó, chị Đoàn Thị N D được tiếp tục nuôi cháu M.

[5] Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị D yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nhưng anh H không đồng ý, Tại Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao qui định người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho mỗi cháu bằng ½ mức lương tối thiểu. Tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/NĐ – CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ qui định mức lương tối thiểu của đơn vị hành chính sự nghiệp là 1.300.000đ/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị D là phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Buộc anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo qui định của pháp luật tại thời điểm xét xử  với số tiền 650.000đ cho đến khi cháu Nguyễn Đoàn N M đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/01/2018.

Anh Nguyễn Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo qui định của pháp luật.

[6] Tài sản chung; Nợ chung: Anh H, chị D đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh Nguyễn T H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ  Điều 28, Điểm a Khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ  Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ  khoản 1 Điều 9; Điều 55, 56; Điều 81, 82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đoàn Thị N D với anh Nguyễn T H.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị N D với anh Nguyễn T H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Đoàn N M, sinh ngày 05/10/2017 cho chị Đoàn Thị N D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn T H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đoàn N M hàng tháng với số tiền 650.000đ cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/01/2018.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị N D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Khấu trừ tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05958 ngày 08/12/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước. Anh Nguyễn T H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

**Nơi nhận**:
-VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã L H;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thị Thới**